



CÔNG TY CP-TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
ĐC: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - Phường Thủ Dầu Một - TP. Hồ Chí Minh
ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 – Fax: 0274.3883522
Website: www.biwase.com.vn Email: ptnctnmtd@gmail.com


VILAS 817

BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: NC 01/06.08.2025
Ngày phát hành kết quả: 11/08/2025

- Tên khách hàng: **Chi nhánh Cấp nước Khu Liên Hợp**
- Tên mẫu: Nước đã xử lý - Bể chứa Khu Liên Hợp giai đoạn 1
- Địa chỉ: Số 303, đường 85, khu phố Tân Phú, phường Tân Hiệp, TP. Hồ Chí Minh.
- Ngày lấy mẫu: 06/08/2025 Ngày phân tích: 06/08/2025
- Tình trạng mẫu: Mẫu chứa trong 2 bình 1L và chai thủy tinh khử trùng 500mL, nước trong, không màu.

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1-2024/BYT	Kết quả thử nghiệm
1	Coliform tổng*	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
2	E. coli*	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
3	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114-B:2023	≤ 0,01	KPH (LOD = 0,0001)
4	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0,2 – 1,0	0,5
5	Độ đục*	NTU	SMEWW 2130-B:2023	≤ 2	0,32
6	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015	≤ 15	1
7	Mùi	-	Cảm quan	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	Độ pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,01
9	Hàm lượng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺)*(tính theo N)	mg/L	HACH Method 8038	≤ 1	0,05
10	Pecmanganat*	mgO ₂ /L	TCVN 6186:1996	≤ 2	0,26
11	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻)*	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 250	9
12	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	HACH Method 8506+8026	≤ 1	0,02
13	Độ cứng tổng cộng	mg/L CaCO ₃	SMEWW 2340-C:2023	≤ 300	24
14	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	HACH Method 8009	≤ 2	0,01
15	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	HACH Method 8149	≤ 0,1	KPH (LOD = 0,02)

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm
16	Hàm lượng Nhôm (Al)*	mg/L	HACH Method 8012	≤ 0,2	0,06
17	Hàm lượng Nitrate (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-B:2023	≤ 11	0,8
18	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻)* (tính theo N)	mg/L	TCVN 6178-1996	≤ 0,9	KPH (LOD = 0,01)
19	Hàm lượng Sắt tổng (Fe _{tc})*	mg/L	HACH Method 8008	≤ 0,3	KPH (LOD = 0,02)
20	Hàm lượng Sunphate (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-E:2023	≤ 250	2,43
21	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	Đầu dò cảm biến	≤ 1000	42

* **Nhận xét:** Mẫu nước có các thông số phân tích phù hợp QCVN 01-1:2024/BYT.

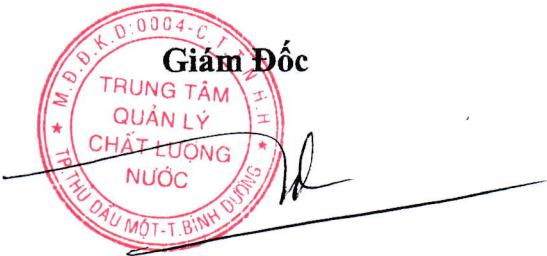
* **Ghi chú:**

- + QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- + KPH: Không phát hiện.
- + Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm thử.
- + Thời gian lưu mẫu 3 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- + (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận.

Quản lý chất lượng



Trần Thanh Trúc



Giám Đốc

Mai Thị Đẹp